

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP TÀI CHÍNH TIỀN TỆ VÀ THANH TOÁN QUỐC TẾ

I. Lý thuyết

1. Thanh toán quốc tế được hiểu đúng nhất là:

- A. Quá trình thực hiện các khoản thu–chi tiền tệ quốc tế thông qua hệ thống ngân hàng nhằm phục vụ các quan hệ trao đổi quốc tế.
- B. Hoạt động chuyển tiền trong nội địa giữa các chủ thẻ cư trú.
- C. Hoạt động mua bán ngoại tệ trên thị trường tự do giữa cá nhân với cá nhân.
- D. Hoạt động thanh toán bằng tiền mặt tại cửa khẩu giữa hai doanh nghiệp.

2. Theo cách tiếp cận cơ chế, thanh toán quốc tế là:

- A. Việc các quốc gia quy định các yếu tố cấu thành cơ chế thanh toán (chủ thẻ, tiền tệ, công cụ, phương thức đòi/chi trả, tín dụng hỗ trợ).
- B. Việc áp dụng duy nhất một phương thức thanh toán thống nhất trên toàn cầu.
- C. Việc các ngân hàng thương mại tự do đặt ra luật thanh toán riêng.
- D. Việc các doanh nghiệp tự thỏa thuận không cần ngân hàng trung gian.

3. Yếu tố “nước ngoài” trong thanh toán quốc tế thể hiện đúng nhất ở nội dung:

- A. Chủ thẻ tham gia gồm người cư trú và người phi cư trú, hoặc giữa các người phi cư trú với nhau.
- B. Luôn bắt buộc các bên phải cùng quốc tịch.
- C. Chỉ phát sinh khi thanh toán bằng tiền mặt.
- D. Chỉ áp dụng cho giao dịch hàng hóa, không áp dụng cho dịch vụ.

4. Đặc điểm truyền thống của dịch vụ thanh toán quốc tế là:

- A. Mang tính vô hình.
- B. Luôn dự trữ được để bán lại nhiều lần.
- C. Chỉ phát sinh khi có chứng từ giấy.
- D. Luôn tách rời hoàn toàn giữa cung ứng và tiêu dùng.

5. Khối lượng tiền trong lưu thông (Ms) được hiểu là:

- A. Tất cả các phương tiện được chấp nhận là trung gian trao đổi với hàng hóa, dịch vụ và các khoản thanh toán khác trong một thị trường và thời gian nhất định.
- B. Lượng vàng dự trữ quốc gia tại ngân hàng trung ương.
- C. Tổng thu ngân sách nhà nước trong một năm.
- D. Tổng số ngoại tệ bán ra trên thị trường liên ngân hàng.

6. Tổng số giá cả hàng hóa là 2.400 (đv tiền tệ) và tốc độ lưu thông bình quân của tiền tệ là 4 vòng/kỳ. Khối lượng tiền cần thiết cho lưu thông (M_n) là:

- A. 600
- B. 800
- C. 960
- D. 2.400

7. Giả sử tổng số giá cả hàng hóa không đổi, nếu tốc độ lưu thông bình quân của tiền tệ tăng, M_n sẽ:

- A. Giảm.
- B. Tăng.
- C. Không đổi.
- D. Biến động ngẫu nhiên, không xác định được quan hệ.

8. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10%. Một khoản tiền gửi ban đầu là 1.500. Theo hệ số nhân tiền gửi m = 10, tổng tiền gửi được tạo ra là:

- A. 15.000
- B. 7.500
- C. 1.500
- D. 150.000

9. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 10%. Một khoản tiền gửi ban đầu là 1.500. Theo hệ số nhân tiền gửi m = 10, tổng dự trữ bắt buộc toàn hệ thống sẽ là:

- A. 1.500
- B. 15.000
- C. 13.500
- D. 150

10. NHTW mua ngoại tệ trên thị trường ngoại hối và đưa nội tệ vào lưu thông để thanh toán. Kênh cung tiền tương ứng là:

- A. Phát hành tiền qua thị trường vàng và ngoại tệ.
- B. Tái chiết khấu thương phiếu của doanh nghiệp.
- C. Phát hành cổ phiếu của NHTW.
- D. Thu thuế để tăng cung tiền.

11. NHTW cho NSNN vay để đáp ứng nhu cầu chi tiêu khi ngân sách thiếu hụt. Kênh cung tiền phù hợp là:

- A. Phát hành tiền cho NSNN vay.
- B. Cung ứng tiền qua thị trường mở.
- C. Phát hành tiền qua thị trường vàng và ngoại tệ.
- D. Cho doanh nghiệp vay bằng hàng hóa.

12. NHTM thực hiện cho vay bằng chuyển khoản làm tăng tiền gửi thanh toán trong hệ thống. Hiện tượng này phản ánh:

- A. Chức năng tạo tiền của hệ thống ngân hàng thông qua tiền gửi thanh toán.
- B. Việc Ms luôn bằng Mn trong mọi thời kỳ.
- C. Sự thay thế hoàn toàn của tiền vàng cho tiền dấu hiệu giá trị.
- D. Sự triệt tiêu vai trò dự trữ bắt buộc.

13. Một cá nhân giữ tiền mặt để “phòng trường hợp rủi ro đột xuất” thuộc loại nhu cầu tiền nào?

- A. Nhu cầu tiền cho dự phòng (dự phòng chi rủi ro).
- B. Nhu cầu tiền cho giao dịch.
- C. Nhu cầu tiền cho tích lũy theo kế hoạch định trước.
- D. Nhu cầu tiền để cất trữ lâu dài chưa có mục tiêu sử dụng.

14. Lãi suất danh nghĩa là 10%/năm, tỷ lệ lạm phát là 4%/năm. Lãi suất thực xấp xỉ là:

- A. 6%/năm
- B. 10%/năm
- C. 14%/năm
- D. 4%/năm

15. Nếu tỷ lệ lạm phát tăng, để bảo vệ lợi ích kinh tế của người cho vay, lãi suất tín dụng có xu hướng:

- A. Tăng theo.
- B. Giảm theo.
- C. Không đổi.
- D. Bằng 0 để kích cầu đầu tư.

16. Thị trường tài chính được hiểu đúng nhất là:

- A. Nơi cung và cầu nguồn tài chính gặp nhau và tại đó các tài sản tài chính được mua bán.
- B. Nơi trao đổi hàng hóa tiêu dùng và dịch vụ phi tài chính.

- C. Nơi chỉ thực hiện mua bán bất động sản và tài sản hữu hình.
- D. Nơi chỉ diễn ra giao dịch nội bộ trong một doanh nghiệp.

17. Đối tượng hướng đến của thị trường tài chính là:

- A. Nguồn cung/cầu về vốn hoặc dòng tiền.
- B. Sản lượng hàng hóa vật chất.
- C. Tài nguyên thiên nhiên.
- D. Lao động giản đơn.

18. “Người cung vốn” trên thị trường tài chính có thể là:

- A. Hộ gia đình, nhà đầu tư và doanh nghiệp thừa vốn.
- B. Chỉ cơ quan hành chính nhà nước.
- C. Chỉ người lao động không có tích lũy.
- D. Chỉ các tổ chức phi lợi nhuận.

19. “Người cầu vốn” trên thị trường tài chính thường là:

- A. Doanh nghiệp, Chính phủ và các định chế tài chính.
- B. Chỉ các hộ gia đình.
- C. Chỉ các cá nhân không có hoạt động đầu tư.
- D. Chỉ các tổ chức xã hội nghề nghiệp.

20. Hàng hóa của thị trường tài chính điển hình là:

- A. Cổ phiếu, trái phiếu và các hợp đồng kỳ hạn.
- B. Máy móc thiết bị và nguyên vật liệu.
- C. Đất đai và khoáng sản.
- D. Hàng tiêu dùng nhanh.

21. Tài sản tài chính được hiểu là:

- A. Tài sản mang hình thái tiền tệ, thể hiện quyền hưởng lợi ích kinh tế trong tương lai (bằng giấy tờ hoặc dữ liệu).
- B. Tài sản hữu hình như nhà xưởng, máy móc.
- C. Tài sản tiêu dùng cá nhân đã qua sử dụng.
- D. Tài sản chỉ có giá trị khi được cất giữ dưới dạng hiện vật.

22. Ngoại tệ là:

- A. Đối tượng mua bán trên thị trường hối đoái và có khả năng mang lại thu nhập cho người sở hữu.
- B. Chỉ là tiền mặt nội tệ lưu thông trong nước.

- C. Chỉ là vàng miếng được định giá bằng USD.
- D. Chỉ là các loại tài sản cố định của doanh nghiệp.

23. Tín phiếu kho bạc là:

- A. Chứng nhận nợ ngắn hạn của Chính phủ do Kho bạc Nhà nước phát hành để bù đắp thiếu hụt tạm thời NSNN.
- B. Chứng khoán vốn dài hạn do doanh nghiệp phát hành.
- C. Cổ phiếu ưu đãi do ngân hàng thương mại phát hành.
- D. Hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn.

24. Thương phiếu là:

- A. Chứng chỉ ghi nhận cam kết thanh toán vô điều kiện một số tiền xác định trong thời hạn nhất định.
- B. Giấy tờ xác nhận quyền sở hữu cổ phần của công ty.
- C. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- D. Hợp đồng bảo hiểm tài sản.

25. Chứng chỉ tiền gửi ngân hàng là:

- A. Công cụ vay nợ do ngân hàng thương mại phát hành, thanh toán vốn và lãi khi đến hạn.
- B. Công cụ vốn do công ty cổ phần phát hành vô thời hạn.
- C. Công cụ nợ dài hạn do Chính phủ phát hành trên 10 năm.
- D. Công cụ xác nhận quyền mua cổ phiếu mới.

26. Tổ chức tài chính trung gian thực hiện chức năng tạo vốn theo nghĩa chủ yếu là:

- A. Huy động vốn từ người tiết kiệm để hình thành nguồn cho vay/đầu tư.
- B. In tiền và phát hành tiền pháp định.
- C. Chỉ phân phối lại vốn ngân sách nhà nước.
- D. Chỉ mua bán hàng hóa vật chất.

27. Chức năng cung ứng vốn cho nền kinh tế của trung gian tài chính thể hiện là:

- A. Phân phối nguồn vốn huy động để tài trợ kịp thời cho cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức.
- B. Chỉ thu phí dịch vụ không cung ứng vốn.
- C. Chỉ thực hiện môi giới chứng khoán mà không liên quan vốn.
- D. Chỉ cung ứng vốn cho thị trường phi chính thức.

28. Chức năng kiểm soát của trung gian tài chính nhằm:

- A. Giảm thiểu rủi ro thông qua kiểm tra trước–trong–sau khi cho vay/đầu tư.
- B. Tăng tối đa rủi ro để tối ưu lợi nhuận.
- C. Loại bỏ hoàn toàn yêu cầu thông tin của khách hàng.
- D. Chỉ kiểm soát sau khi khoản vay đã quá hạn.

29. Vai trò giảm bớt chi phí giao dịch của trung gian tài chính chủ yếu đến từ:

- A. Quy mô hoạt động lớn và tính chuyên nghiệp cao.
- B. Việc không cần hệ thống công nghệ và nhân sự.
- C. Việc loại bỏ hoàn toàn hợp đồng và chứng từ.
- D. Việc chỉ giao dịch bằng tiền mặt.

30. Vai trò giảm chi phí thông tin của trung gian tài chính thể hiện rõ nhất ở việc:

- A. Thu thập, xử lý thông tin hiệu quả hơn nhờ kinh nghiệm và chuyên môn trong lĩnh vực tài chính–tiền tệ.
- B. Không cần thông tin khi ra quyết định cho vay.
- C. Chỉ dựa vào cảm tính và quan hệ cá nhân.
- D. Không thực hiện thẩm định trước khi cấp vốn.

31. Vai trò kích thích và tập trung nguồn vốn nhỏ lẻ của trung gian tài chính thể hiện ở:

- A. Tạo niềm tin và giảm rủi ro, từ đó khuyến khích hộ gia đình/cá nhân tiết kiệm và gửi vốn.
- B. Khuyến khích người dân không tiết kiệm để tăng tiêu dùng.
- C. Chỉ tập trung vốn của một nhà đầu tư duy nhất.
- D. Loại bỏ hoàn toàn cơ chế huy động vốn.

32. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế của trung gian tài chính thường gắn với:

- A. Nhu cầu thực hiện hợp đồng, giao dịch với đối tác nước ngoài trong điều kiện kinh tế mở.
- B. Việc cấm thanh toán quốc tế.
- C. Chỉ giao dịch nội địa bằng tiền mặt.
- D. Chỉ tập trung vào thị trường phi chính thức.

33. Quỹ đầu tư tương hỗ được mô tả đúng nhất là:

- A. Tổ chức trung gian huy động vốn của nhiều nhà đầu tư để đầu tư theo danh mục chứng khoán, theo nguyên tắc phân tán đầu tư.

- B. Tổ chức phát hành tiền pháp định.
- C. Tổ chức chỉ nhận tiền gửi không kỳ hạn và không đầu tư.
- D. Tổ chức chỉ mua bán ngoại tệ giao ngay.

34. Công ty bảo hiểm là tổ chức tiết kiệm theo hợp đồng vì:

- A. Nguồn vốn huy động chủ yếu từ phí bảo hiểm và phân phối thành chi trả bồi thường, lập dự phòng nghiệp vụ, hoạt động đầu tư.
- B. Nguồn vốn huy động chủ yếu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi ngắn hạn.
- C. Nguồn vốn hình thành chủ yếu từ vay nóng không chính thức.
- D. Nguồn vốn chỉ hình thành từ ngân sách nhà nước.

35. Quỹ lưu trú được hiểu đúng nhất là:

- A. Định chế tài chính phổ biến ở các nước phát triển; có thể do tư nhân (do doanh nghiệp lớn lập) hoặc công cộng (do Chính phủ quản lý).
- B. Công cụ nợ ngắn hạn do ngân hàng trung ương phát hành.
- C. Hợp đồng mua lại repo.
- D. Công cụ ngoại hối trao ngay.

36. Ngân hàng Trung ương (NHTW) là:

- A. Định chế quản lý nhà nước về tiền và chính sách tiền tệ trong phạm vi cả nước nhằm ổn định giá trị đồng tiền.
- B. Doanh nghiệp tài chính chuyên kinh doanh chứng khoán vì mục tiêu lợi nhuận.
- C. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng chỉ thực hiện cho vay tiêu dùng.
- D. Tổ chức trung gian thanh toán tư nhân hoạt động không chịu điều tiết.

37. Chức năng phát hành tiền của NHTW thể hiện trước hết ở:

- A. Quyền độc quyền phát hành giấy bạc ngân hàng và tiền kim loại.
- B. Quyền phát hành cổ phiếu của các ngân hàng thương mại.
- C. Quyền phát hành trái phiếu doanh nghiệp để huy động vốn dài hạn.
- D. Quyền phát hành chứng quyền kèm cổ phiếu.

38. Một kênh phát hành tiền của NHTW là:

- A. Cho vay các NHTM và các tổ chức tín dụng.
- B. Thu thuế xuất nhập khẩu để tăng cung tiền.
- C. Bán hàng hóa dự trữ quốc gia ra thị trường.
- D. Cấp phát ngân sách không hoàn lại cho doanh nghiệp.

39. Ngân hàng của các ngân hàng là chức năng trong đó NHTW thực hiện:

- A. Quản lý tài khoản và nhận tiền gửi của các NHTM và tổ chức tín dụng.
- B. Kinh doanh ngoại thương và logistics cho doanh nghiệp.
- C. Bảo lãnh phát hành cổ phiếu ra công chúng.
- D. Môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư cá nhân.

40. Tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHTW có ý nghĩa chủ yếu là:

- A. Bảo đảm khả năng chi trả giữa các ngân hàng trong toàn hệ thống ngân hàng.
- B. Tạo vốn chủ sở hữu cho NHTM.
- C. Thay thế hoàn toàn dự trữ bắt buộc.
- D. Là cơ sở để phát hành cổ phiếu ngân hàng.

41. NHTW cho NHTM vay dưới hình thức tái chiết khấu/tái cấp vốn thể hiện vai trò:

- A. Người cho vay cuối cùng đối với các NHTM.
- B. Nhà bảo hiểm rủi ro tín dụng của doanh nghiệp.
- C. Nhà đầu tư chiến lược vào doanh nghiệp phi tài chính.
- D. Cơ quan cấp phép xây dựng dự án.

42. Chức năng tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt của NHTW được thực hiện chủ yếu thông qua:

- A. Thanh toán bù trừ trong toàn hệ thống ngân hàng.
- B. Thanh toán tiền mặt trực tiếp giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp.
- C. Trao đổi hàng-hàng không qua tiền tệ.
- D. Thanh toán bằng hiện vật theo định mức.

43. Ngân hàng nhà nước được hiểu là chức năng NHTW:

- A. Xây dựng và thực thi các chính sách tiền tệ quốc gia; quản lý hoạt động tiền tệ, tín dụng và ngân hàng đối nội, đối ngoại.
- B. Trực tiếp sản xuất hàng hóa và cung ứng dịch vụ công ích.
- C. Kinh doanh bán lẻ như một ngân hàng thương mại đa năng.
- D. Thực hiện quản trị doanh nghiệp cho toàn bộ NHTM.

44. Nếu NHTW tăng trần lãi suất cho vay (giữ các yếu tố khác không đổi), kênh tác động được mô tả phù hợp nhất là:

- A. Làm thay đổi động cơ vay vốn/đầu tư, từ đó tác động đến tổng cầu tín dụng và lượng phương tiện thanh toán.
- B. Làm tăng dự trữ ngoại hối ngay lập tức.

- C. Không thể tác động đến tín dụng vì là công cụ trực tiếp.
- D. Chỉ làm thay đổi số lượng tiền kim loại phát hành.

45. Nhận định nào phản ánh đúng mối quan hệ giữa “bán chứng khoán” và “cơ sở tiền tệ” trong nghiệp vụ thị trường mở?

- A. Bán chứng khoán làm thu hẹp cơ sở tiền tệ.
- B. Bán chứng khoán làm tăng cơ sở tiền tệ.
- C. Bán chứng khoán không ảnh hưởng cơ sở tiền tệ.
- D. Bán chứng khoán chỉ làm tăng tín dụng và tăng cơ sở tiền tệ.

46. NHTW muốn “bơm tiền” vào hệ thống ngân hàng nhanh nhất, biện pháp phù hợp là:

- A. Mua chứng khoán trên thị trường mở.
- B. Bán chứng khoán trên thị trường mở.
- C. Tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
- D. Tăng lãi suất tái chiết khấu.

47. Công cụ gián tiếp nào tác động đến cung tiền thông qua giới hạn khả năng mở rộng tiền gửi là:

- A. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc.
- B. Hạn mức tín dụng.
- C. Trần lãi suất tiền gửi.
- D. Chính sách đối với ngân sách.

48. NHTW thực hiện tái chiết khấu thương phiếu/trái phiếu chính phủ (giấy tờ có giá) để cung ứng tiền. Nhận định đúng nhất là:

- A. Đây là cơ chế tín dụng ngắn hạn và gắn với công cụ “lãi suất tái chiết khấu/tái cấp vốn”.
- B. Đây là hoạt động phát hành cổ phiếu doanh nghiệp.
- C. Đây là hoạt động trao đổi hàng hóa không qua tiền tệ.
- D. Đây là hoạt động thanh toán bù trừ liên ngân hàng.

49. NHTW muốn “ ổn định giá trị đồng tiền” trong điều kiện cung tiền tăng quá nhanh, lựa chọn phù hợp nhất là:

- A. Sử dụng công cụ gián tiếp (như bán chứng khoán trên thị trường mở, tăng dự trữ bắt buộc hoặc tăng lãi suất tái chiết khấu) để thu hẹp cung tiền.
- B. Mở rộng hạn mức tín dụng tối đa cho mọi NHTM.

- C. Mua chứng khoán quy mô lớn và giảm dự trữ bắt buộc đồng thời.
- D. Cho NSNN vay không hạn chế để mở rộng phương tiện thanh toán.

49. NHTW quy định hạn mức tín dụng tối đa cho từng NHTM. Công cụ này được phân loại là:

- A. Công cụ trực tiếp của chính sách tiền tệ.
- B. Công cụ gián tiếp của chính sách tiền tệ.
- C. Công cụ thuộc chính sách tài khóa.
- D. Công cụ thuộc chính sách thương mại.

50. NHTW điều tiết lượng tiền cung ứng thông qua việc mua/bán tín phiếu kho bạc nhà nước. Công cụ được sử dụng là:

- A. Nghiệp vụ thị trường mở.
- B. Hạn mức tín dụng.
- C. Chính sách đối với ngân sách.
- D. Tỷ giá cố định (không kèm can thiệp).

51. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm: “Tỷ giá hối đoái là quan hệ giữa hai của hai quốc gia với nhau.”

- A. so sánh / tiền tệ
- B. so sánh / nền kinh tế
- C. trao đổi / hàng hóa
- D. cân đối / nền kinh tế

52. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm: “Tỷ giá hối đoái là của đơn vị tiền tệ nước này thể hiện bằng tiền tệ nước kia.”

- A. giá cả / một số
- B. giá trị / đơn vị
- C. mức giá / nhiều loại
- D. quan hệ / đơn vị

53. Trong trường hợp ngân hàng thay mặt khách hàng chuyển ngoại tệ đến người thụ hưởng bằng phương pháp chuyển tiền điện tín, ngân hàng áp dụng loại tỷ giá nào?

- A. Tỷ giá điện hối
- B. Tỷ giá tiền mặt
- C. Tỷ giá mua bán

D. Tỷ giá hối đoái chéo

54. Trong trường hợp ngân hàng bán hối phiếu ngân hàng trả tiền ngay cho khách hàng và người được chuyển nhượng xuất trình hối phiếu để nhận tiền ngay, ngân hàng áp dụng loại tỷ giá nào?

- A. Tỷ giá hối phiếu trả tiền ngay
- B. Tỷ giá hối phiếu trả sau
- C. Tỷ giá tiền mặt
- D. Tỷ giá hối đoái chéo

55. Trong trường hợp ngân hàng bán hối phiếu ngân hàng trả tiền chậm cho khách hàng và người được chuyển nhượng chỉ xuất trình hối phiếu khi đến hạn thanh toán, ngân hàng áp dụng loại tỷ giá nào?

- A. Tỷ giá hối phiếu trả sau
- B. Tỷ giá hối phiếu trả ngay
- C. Tỷ giá chuyển tiền điện
- D. Tỷ giá tiền mặt

56. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm: ““Khi so sánh mức chênh lệch lạm phát giữa hai quốc gia, quốc gia có mức lạm phát thì đồng tiền của quốc gia đó có sức mua

- A. cao hơn / thấp hơn
- B. thấp hơn / thấp hơn
- C. cao hơn / cao hơn
- D. tương đương / không đổi

57. Phát biểu nào sau đây KHÔNG phù hợp với quy luật cung – cầu trong xác định giá ngoại tệ trên thị trường tài chính?

- A. Khi cầu ngoại tệ vượt quá cung ngoại tệ, giá ngoại tệ có xu hướng giảm.
- B. Khi cung ngoại tệ vượt quá cầu ngoại tệ, giá ngoại tệ có xu hướng giảm.
- C. Khi cầu ngoại tệ vượt quá cung ngoại tệ, giá ngoại tệ có xu hướng tăng.
- D. Ngoại tệ là một loại hàng hóa đặc biệt và chịu sự tác động của quy luật cung – cầu.

58. Theo tác động của lãi suất ngắn hạn đến tỷ giá hối đoái, khi một quốc gia có mức lãi suất ngắn hạn cao hơn các quốc gia khác, hiện tượng nào sau đây có khả năng xảy ra?

- A. Tỷ giá hối đoái của nước đó có xu hướng giảm do cung ngoại hối tăng.

- B. Tỷ giá hối đoái của nước đó có xu hướng tăng do cầu ngoại hối tăng nhanh.
- C. Tỷ giá hối đoái của nước đó không thay đổi do vốn ngắn hạn không dịch chuyển.
- D. Tỷ giá hối đoái của nước đó tăng do cung ngoại hối giảm mạnh.

59. Trong khuôn khổ chính sách chiết khấu, việc Ngân hàng Trung ương điều chỉnh tăng lãi suất chiết khấu có tác động chủ yếu nào sau đây đối với tỷ giá hối đoái?

- A. Lãi suất chiết khấu tăng làm tỷ giá hối đoái có xu hướng giảm.
- B. Lãi suất chiết khấu tăng làm tỷ giá hối đoái có xu hướng tăng.
- C. Lãi suất chiết khấu tăng không ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái.
- D. Lãi suất chiết khấu chỉ ảnh hưởng đến lạm phát, không ảnh hưởng đến tỷ giá.

60. Trong khuôn khổ chính sách hối đoái (chính sách thị trường mở), khi Ngân hàng Trung ương cung ngoại hối ra thị trường, tác động chủ yếu nào sau đây đối với tỷ giá hối đoái có khả năng xảy ra?

- A. Làm tỷ giá hối đoái có xu hướng giảm.
- B. Làm tỷ giá hối đoái có xu hướng tăng.
- C. Không ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái.
- D. Chỉ ảnh hưởng đến dự trữ ngoại hối.

61. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm: “Hối phiếu đòi nợ là một mệnh lệnh đòi tiền vô điều kiện của người ký phát hối phiếu cho người khác, yêu cầu người này khi nhìn thấy hối phiếu hoặc đến hoặc một ngày có thể xác định trong tương lai phải trả cho một người nào đó hoặc theo lệnh của người này trả cho một người khác hoặc trả cho người cầm phiếu.”

- A. một ngày cụ thể nhất định / một số tiền nhất định
- B. một thời hạn thanh toán / một khoản tiền theo yêu cầu
- C. một kỳ hạn xác định / một giá trị thanh toán
- D. một thời điểm trả tiền / một nghĩa vụ tài chính

62. Đặc điểm nào dưới đây KHÔNG phải là đặc điểm của hối phiếu đòi nợ?

- A. Tính độc lập pháp lý
- B. Tính trừu tượng
- C. Tính bắt buộc trả tiền
- D. Tính lưu thông

63. “Trên hối phiếu không cần phải ghi nội dung quan hệ tín dụng mà chỉ cần ghi số tiền phải trả và những nội dung liên quan đến việc trả tiền” phản ánh đặc điểm nào của hối phiếu đòi nợ?

- A. Tính trừu tượng
- B. Tính bắt buộc trả tiền
- C. Tính lưu thông
- D. Tính độc lập pháp lý

64. “Người trả tiền hối phiếu phải thanh toán theo đúng nội dung ghi trên hối phiếu và không được phép từ chối trả tiền vì bất kỳ lý do nào, trừ trường hợp hối phiếu được lập trái với quy định của pháp luật” phản ánh đặc điểm nào của hối phiếu đòi nợ?

- A. Tính bắt buộc trả tiền
- B. Tính trừu tượng
- C. Tính lưu thông
- D. Tính chuyên nhượng

65. Đâu KHÔNG phải là quy định về hình thức của hối phiếu đòi nợ trong thanh toán quốc tế?

- A. Phải ghi rõ nội dung quan hệ tín dụng.
- B. Phải được lập thành văn bản.
- C. Chỉ được lập bằng một ngôn ngữ xác định.
- D. Không được viết bằng bút chì hoặc mực dễ phai

66. Một hối phiếu đòi nợ có tiêu đề ghi bằng tiếng Việt, còn toàn bộ nội dung còn lại được lập bằng tiếng Anh. Trong trường hợp này, nhận định nào dưới đây là đúng:

- A. Hối phiếu không có giá trị pháp lý.
- B. Hối phiếu vẫn có giá trị pháp lý.
- C. Hối phiếu chỉ mất hiệu lực về mặt hình thức nhưng vẫn có giá trị thanh toán.
- D. Hối phiếu vẫn được chấp nhận nếu người trả tiền đồng ý thanh toán.

67. Một doanh nghiệp Việt Nam lập hối phiếu ký phát đòi tiền người mua là Công ty X. Trên hối phiếu không ghi rõ địa điểm trả tiền, bên cạnh tên người bị ký phát cũng không ghi địa chỉ. Theo quy định pháp luật Việt Nam về hối phiếu, địa điểm nào sau đây sẽ được xác định là địa điểm thanh toán hợp lệ của hối phiếu?

- A. Địa điểm kinh doanh của người ký phát.
- B. Địa điểm phát hành hối phiếu.
- C. Địa điểm cư trú của người ký phát.
- D. Địa điểm do người thụ hưởng tự lựa chọn.

68. Một hối phiếu đòi nợ được ký phát có nội dung về thời hạn trả tiền như sau: “X ngày kể từ ngày tàu cập cảng Cát Lái, người ký phát phải thanh toán số tiền ghi trên hối phiếu này.” Theo quy định về hối phiếu đòi nợ, nhận định nào dưới đây là đúng?

- A. Hối phiếu đòi nợ vô hiệu.
- B. Hối phiếu đòi nợ có giá trị pháp lý theo quy định.
- C. Thời hạn trả tiền được pháp luật mặc nhiên thừa nhận.
- D. Thời hạn trả tiền được xác định theo tập quán thương mại

69. Một hối phiếu đòi nợ do công ty M ký phát không ghi rõ địa điểm ký phát hối phiếu. Tuy nhiên, bên cạnh tên người ký phát trên hối phiếu có ghi đầy đủ địa chỉ trụ sở của công ty M. Theo quy định pháp lý, nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Địa chỉ ghi bên cạnh tên người ký phát được xác định là địa điểm ký phát.
- B. Hối phiếu bị coi là vô hiệu do không ghi rõ địa điểm ký phát theo hình thức bắt buộc.
- C. Địa điểm ký phát là địa chỉ ghi bên cạnh tên người bị ký phát.
- D. Địa điểm ký phát được xác định theo thỏa thuận riêng.

70. Công ty X tại Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang Hoa Kỳ cho Công ty Y. Hợp đồng thương mại giữa hai bên quy định phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ trả tiền ngay. Trong trường hợp này, Công ty X ký phát hối phiếu đòi nợ với nội dung nào sau đây về thời hạn trả tiền là đúng?

- A. At sight
- B. At 10 days after sight
- C. At 15 days after signed
- D. At 10 days after B/L

71. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm: “Phương thức chuyển tiền là phương thức mà trong đó yêu cầu ngân hàng của mình chuyển một số tiền nhất định cho ở một địa điểm nhất định bằng phương tiện chuyển tiền do khách hàng quy định.”

- A. khách hàng; một người khác

- B. người thụ hưởng; ngân hàng đại lý
- C. người chuyển tiền; tổ chức tài chính
- D. ngân hàng; người nhận tiền

72. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm: “Chuyển tiền bằng thư là hình thức chuyển tiền trong đó của ngân hàng được chuyển bằng thư cho ngân hàng trả tiền.”

- A. lệnh thanh toán / chuyển tiền
- B. chứng từ thanh toán / phục vụ
- C. chỉ thị chuyển tiền / đại lý
- D. yêu cầu chi trả / trung gian

73. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm: “Chuyển tiền bằng điện là hình thức chuyển tiền trong đó lệnh thanh toán của ngân hàng được thể hiện trong nội dung một bức điện gửi ngân hàng bằng mạng SWIFT.”

- A. chuyển tiền / trả tiền
- B. thanh toán / trung gian
- C. phục vụ / đại lý
- D. mở tài khoản / thụ hưởng

74. Đặc điểm nào dưới đây phản ánh đúng về phương thức thanh toán chuyển tiền bằng thư trong thanh toán quốc tế?

- A. Thời gian thanh toán chậm, chi phí thực hiện thấp
- B. Thời gian thanh toán nhanh, chi phí thực hiện cao
- C. Thời gian thanh toán nhanh, rủi ro pháp lý lớn
- D. Thời gian thanh toán linh hoạt, mức phí không đáng kể

75. Đặc điểm nào dưới đây phản ánh đúng về phương thức thanh toán chuyển tiền bằng điện trong thanh toán quốc tế?

- A. Thời gian thanh toán nhanh, chi phí thực hiện cao
- B. Thời gian thanh toán chậm, chi phí thực hiện thấp
- C. Thời gian thanh toán nhanh, mức độ an toàn thấp
- D. Thời gian thanh toán linh hoạt, mức phí không đáng kể

76. Trong phương thức thanh toán chuyển tiền, người bán sau khi thực hiện giao hàng sẽ chuyển giao cho người mua nội dung nào dưới đây?

- A. Bộ chứng từ gửi hàng.

B. Giấy bảo lãnh thanh toán.

C. Thư cam kết trả tiền.

D. Hối phiếu đòi nợ.

77. Trong các trường hợp sau, trường hợp nào KHÔNG phù hợp để áp dụng phương thức thanh toán chuyển tiền trong thanh toán quốc tế?

A. Hợp đồng mua bán giữa hai bên có giá trị cao.

B. Giao dịch phi thương mại như thanh toán dịch vụ điện, nước, viễn thông.

C. Hợp đồng mua bán giữa hai bên có giá trị thấp.

D. Chuyển tiền viện trợ, bồi thường hoặc kinh phí hoạt động.

78. Điền từ còn thiếu vào chỗ chấm: “Phương thức thanh toán ghi sổ là phương thức người bán mở một hoặc một quyền sổ để ghi nợ người mua sau khi người bán đã hoàn thành hay dịch vụ, đến từng thời kỳ (tháng, quý hoặc năm) người mua sẽ sử dụng phương thức chuyển tiền để trả tiền cho người bán.”

A. tài khoản / giao hàng

B. tài khoản / thanh toán

C. hợp đồng / giao hàng

D. hóa đơn / xuất khẩu

79. Trong phương thức thanh toán ghi sổ, người bán mở tài khoản đơn biên để ghi nợ người mua sau khi đã giao hàng hoặc hoàn thành dịch vụ. Để đảm bảo việc thanh toán, người bán nên thực hiện biện pháp nào sau đây?

A. Yêu cầu người mua có biện pháp đảm bảo nghĩa vụ hợp đồng như cầm cố, thé chấp.

B. Yêu cầu người mua mở một thư tín dụng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ hợp đồng

C. Yêu cầu người mua thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng trước khi giao hàng.

D. Yêu cầu người mua cung cấp một bảo lãnh trung gian không liên quan đến hợp đồng.

80. Trong phương thức thanh toán ghi sổ, doanh nghiệp xuất khẩu mở tài khoản đơn biên để ghi nợ người mua. Trường hợp người mua mở tài khoản, nhận định nào sau đây là đúng?

A. Tài khoản của người mua chỉ là tài khoản theo dõi, không có giá trị thanh toán.

B. Tài khoản của người mua có giá trị thanh toán như tài khoản ghi nợ của người bán.

C. Người bán và người mua đều không cần tài khoản để ghi nợ.

D. Tài khoản của người mua được sử dụng để thay thế tài khoản của người bán.

81. Khi áp dụng phương thức thanh toán ghi sổ trong thương mại quốc tế, nhận định nào dưới đây KHÔNG đúng?

- A. Căn cứ nhận nợ của người mua là giá trị hợp đồng thương mại.
- B. Căn cứ ghi nợ của người bán thường là hóa đơn giao hàng.
- C. Giá hàng trong phương thức ghi sổ thường cao hơn giá bán trả tiền ngay.
- D. Phải quy định thống nhất đồng tiền ghi trên tài khoản giữa hai bên.

82. Một hối phiếu đòi nợ có tiêu đề ghi bằng tiếng Việt, còn toàn bộ nội dung còn lại được lập bằng tiếng Anh. Trong trường hợp này, nhận định nào dưới đây là đúng:

- A. Hối phiếu không có giá trị pháp lý.
- B. Hối phiếu vẫn có giá trị pháp lý.
- C. Hối phiếu chỉ mất hiệu lực về mặt hình thức nhưng vẫn có giá trị thanh toán.
- D. Hối phiếu vẫn được chấp nhận nếu người trả tiền đồng ý thanh toán.

83. Một doanh nghiệp Việt Nam lập hối phiếu ký phát đòi tiền người mua là Công ty X. Trên hối phiếu không ghi rõ địa điểm trả tiền, bên cạnh tên người bị ký phát cũng không ghi địa chỉ. Theo quy định pháp luật Việt Nam về hối phiếu, địa điểm nào sau đây sẽ được xác định là địa điểm thanh toán hợp lệ của hối phiếu?

- A. Địa điểm kinh doanh của người bị ký phát.
- B. Địa điểm phát hành hối phiếu.
- C. Địa điểm cư trú của người ký phát.
- D. Địa điểm do người thụ hưởng tự lựa chọn.

84. Một hối phiếu đòi nợ được ký phát có nội dung về thời hạn trả tiền như sau: “X ngày kể từ ngày tàu cập cảng Cát Lái, người bị ký phát phải thanh toán số tiền ghi trên hối phiếu này.” Theo quy định về hối phiếu đòi nợ, nhận định nào dưới đây là đúng?

- A. Hối phiếu đòi nợ vô hiệu.
- B. Hối phiếu đòi nợ có giá trị pháp lý theo quy định.
- C. Thời hạn trả tiền được pháp luật mặc nhiên thừa nhận.
- D. Thời hạn trả tiền được xác định theo tập quán thương mại.

85. Một hối phiếu đòi nợ do công ty M ký phát không ghi rõ địa điểm ký phát hối phiếu. Tuy nhiên, bên cạnh tên người ký phát trên hối phiếu có ghi đầy đủ địa chỉ trụ sở của công ty M. Theo quy định pháp lý, nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Địa chỉ ghi bên cạnh tên người ký phát được xác định là địa điểm ký phát.
- B. Hối phiếu bị coi là vô hiệu do không ghi rõ địa điểm ký phát theo hình thức bắt buộc.
- C. Địa điểm ký phát là địa chỉ ghi bên cạnh tên người bị ký phát.
- D. Địa điểm ký phát được xác định theo thỏa thuận riêng.

86. Công ty X tại Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang Hoa Kỳ cho Công ty Y. Hợp đồng thương mại giữa hai bên quy định phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ trả tiền ngay. Trong trường hợp này, Công ty X ký phát hối phiếu đòi nợ với nội dung nào sau đây về thời hạn trả tiền là đúng?

- A. At sight
- B. At 10 days after sight
- C. At 15 days after signed
- D. At 10 days after B/L

87. Công ty X tại Việt Nam giao hàng cho công ty Y ở nước ngoài vào ngày 15/6/2025 theo đúng quy định trong hợp đồng ngoại thương. Sau khi giao hàng, công ty X ký phát hối phiếu đòi nợ để yêu cầu thanh toán. Trong các ngày ký phát hối phiếu dưới đây, ngày nào được coi là phù hợp với nguyên tắc pháp lý về ngày ký phát hối phiếu đòi nợ?

- A. Ngày 16/6/2025
- B. Ngày 10/6/2025
- C. Ngày 05/6/2025
- D. Ngày 01/6/2025

88. Người bị ký phát không ghi nội dung chấp nhận trên mặt trước hối phiếu mà lập một văn bản riêng, có ký tên, ghi ngày tháng và gửi cho người thụ hưởng hối phiếu. Theo quy định về chấp nhận hối phiếu đòi nợ, nội dung nào dưới đây là đúng?

- A. Chấp nhận có giá trị pháp lý
- B. Chấp nhận không có giá trị pháp lý
- C. Chấp nhận có giá trị pháp lý khi người ký phát hối phiếu chấp nhận
- D. Chấp nhận là ngầm định và theo quy định của pháp luật

89. Người bị ký phát ghi trên hối phiếu đòi nợ nội dung: “Đồng ý thanh toán 80% trị giá ghi trên hối phiếu này” và ký tên. Theo nguyên tắc chấp nhận hối phiếu, nhận định nào dưới đây là đúng?

- A. Đây là chấp nhận trả tiền từng phần và vẫn có giá trị pháp lý.
- B. Đây là chấp nhận có điều kiện nên hối phiếu bị vô hiệu.
- C. Đây là hành vi từ chối chấp nhận hối phiếu đòi nợ.
- D. Đây là chấp nhận làm thay đổi nội dung nên không được thừa nhận.

90. Người bị ký phát ghi trên hối phiếu đòi nợ nội dung: “Đồng ý thanh toán 80% trị giá ghi trên hối phiếu này” và ký tên. Theo nguyên tắc chấp nhận hối phiếu, nhận định nào dưới đây là đúng?

- A. Đây là chấp nhận trả tiền từng phần và vẫn có giá trị pháp lý.
- B. Đây là chấp nhận có điều kiện nên hối phiếu bị vô hiệu.
- C. Đây là hành vi từ chối chấp nhận hối phiếu đòi nợ.
- D. Đây là chấp nhận làm thay đổi nội dung nên không được thừa nhận.

91. Doanh nghiệp A tại Việt Nam ký kết hợp đồng xuất khẩu hàng hóa với doanh nghiệp B tại Nhật Bản. Hợp đồng ngoại thương giữa hai bên quy định điều kiện thanh toán là T/T. Điều kiện thanh toán nêu trên thuộc phương thức thanh toán nào?

- A. Phương thức thanh toán chuyển tiền bằng điện.
- B. Phương thức thanh toán chuyển tiền bằng thư.
- C. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.
- D. Phương thức thanh toán ghi số.

92. Doanh nghiệp A tại Việt Nam ký kết hợp đồng nhập khẩu hàng hóa với doanh nghiệp B tại Mỹ. Hợp đồng ngoại thương giữa hai bên quy định điều kiện thanh toán là M/T. Điều kiện thanh toán nêu trên thuộc phương thức thanh toán nào?

- A. Phương thức thanh toán chuyển tiền bằng thư.
- B. Phương thức thanh toán chuyển tiền bằng điện.
- C. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.
- D. Phương thức thanh toán ghi số.

93. Doanh nghiệp X tại Việt Nam ký kết hợp đồng nhập khẩu hàng hóa với doanh nghiệp Y tại Ấn Độ. Hợp đồng ngoại thương giữa hai bên quy định điều kiện thanh toán là D/P. Điều kiện thanh toán nêu trên thuộc phương thức thanh toán nào?

- A. Phương thức thanh toán nhờ thư kèm trả trước.
- B. Phương thức thanh toán nhờ thu trọn.
- C. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.

D. Phương thức thanh toán chuyển tiền.

94. Doanh nghiệp B tại Việt Nam ký kết hợp đồng xuất khẩu hàng hóa với doanh nghiệp C tại Đài Loan. Hợp đồng ngoại thương giữa hai bên quy định điều kiện thanh toán là D/A. Điều kiện thanh toán nêu trên thuộc phương thức thanh toán nào?

A. Phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ.

B. Phương thức thanh toán nhờ thu trọn.

C. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.

D. Phương thức thanh toán chuyển tiền.

95. Doanh nghiệp A tại Việt Nam ký hợp đồng xuất khẩu hàng hóa cho doanh nghiệp B tại Nhật Bản, hợp đồng quy định thanh toán theo phương thức chuyển tiền. Sau khi giao hàng, doanh nghiệp A đã gửi đầy đủ hóa đơn thương mại, vận đơn, phiếu đóng gói và chứng từ bảo hiểm cho doanh nghiệp B. Doanh nghiệp B cần thực hiện công việc gì tiếp theo?

A. Kiểm tra bộ chứng từ và ra lệnh chuyển tiền cho ngân hàng phục vụ mình.

B. Kiểm tra bộ chứng từ và yêu cầu ngân hàng trung gian thanh toán trực tiếp.

C. Đề nghị ngân hàng phát hành cam kết thanh toán cho doanh nghiệp A.

D. Chờ ngân hàng của doanh nghiệp A gửi yêu cầu thanh toán chính thức.

96. Trong một hợp đồng ngoại thương, hai bên thỏa thuận thanh toán theo phương thức chuyển tiền. Nhận định nào sau đây phản ánh đúng vai trò của ngân hàng trong phương thức thanh toán chuyển tiền?

A. Ngân hàng chỉ là trung gian thực hiện lệnh chuyển tiền.

B. Ngân hàng có nghĩa vụ bảo đảm người bán nhận tiền đúng hạn.

C. Ngân hàng chịu trách nhiệm thanh toán thay người mua.

D. Ngân hàng kiểm soát nghĩa vụ giao hàng của người bán.

97. Doanh nghiệp A tại Việt Nam ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn trực tuyến cho doanh nghiệp B tại Nhật Bản. Giá trị thanh toán chỉ được xác định sau khi dịch vụ hoàn thành, hai bên có quan hệ hợp tác lâu dài và tin cậy lẫn nhau. Trong trường hợp này, phương thức thanh toán nào dưới đây là phù hợp nhất?

A. Phương thức thanh toán chuyển tiền.

B. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ.

C. Phương thức thanh toán nhờ thu chấp nhận thanh toán trao chứng từ.

D. Phương thức thanh toán nhờ thu chấp nhận trả tiền.

98. Doanh nghiệp X áp dụng phương thức thanh toán ghi sổ khi xuất khẩu hàng hóa. So với phương thức thanh toán trả tiền ngay, doanh nghiệp X nên lưu ý điều gì về giá cả hàng hóa trong hợp đồng?

- A. Giá cả thường cao hơn để bù rủi ro thanh toán chậm.
- B. Giá cả thường thấp hơn vì thanh toán theo sổ dễ quản lý.
- C. Giá cả bằng giá thị trường, không có sự điều chỉnh.
- D. Giá cả không ảnh hưởng đến phương thức thanh toán.

99. Hai công ty A và B có quan hệ mua bán quốc tế thường xuyên và tin cậy lẫn nhau. Trong trường hợp, công ty A gặp khó khăn về nguồn ngoại tệ để nhập hàng hóa của công ty B, nhưng chấp nhận mua hàng với mức giá cao hơn so với giá bán trả tiền ngay để được thanh toán chậm, phương thức thanh toán nào dưới đây là phù hợp nhất?

- A. Phương thức thanh toán ghi sổ
- B. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ
- C. Phương thức thanh toán nhờ thu chứng từ
- D. Phương thức thanh toán trả tiền ngay

100. Doanh nghiệp A tại Việt Nam ký hợp đồng xuất khẩu hàng hóa với doanh nghiệp B ở nước ngoài. Hai bên thỏa thuận người mua phải thanh toán toàn bộ tiền hàng 30 ngày trước thời điểm giao hàng, và chỉ sau khi người bán xác nhận đã nhận đủ tiền thì mới tiến hành sản xuất và giao hàng theo hợp đồng. Với thỏa thuận về mốc thời gian thanh toán như trên, hợp đồng đang áp dụng phương thức thanh toán nào?

- A. Phương thức thanh toán ứng trước
- B. Phương thức thanh toán nhờ thu
- C. Phương thức thanh toán ghi sổ
- D. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ

II. Bài tập

Dạng bài tập tính tỷ giá và đổi khoản tương ứng.

Ví dụ: Giả sử tại một ngân hàng thương mại có bảng yết giá như sau:

USD/JPY: 149,20 - 60 GBP/USD: 1,29 – 31 USD/CHF: 0,91 – 93

1. Xác định tỷ giá mà ngân hàng áp dụng khi khách hàng bán USD lấy JPY?

2. Xác định số JPY mà KH nhận được khi KH bán 600.000 USD lấy JPY?
3. Xác định tỷ giá mà ngân hàng áp dụng khách hàng mua USD bằng GBP?
4. Xác định số GBP mà KH phải trả khi khách hàng mua 500.000USD bằng GBP?
5. Xác định tỷ giá mua GBP/CHF của ngân hàng?
6. Xác định tỷ giá bán GBP/CHF của ngân hàng?
7. Xác định đổi khoản tương ứng khi KH muốn mua 200.000 GBP bằng CHF?
8. Xác định đổi khoản tương ứng khi KH muốn bán 190.000 GBP lấy CHF?